BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 06/11 Đến 12/11/2023

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 06/11	Sáng	1	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)					Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)				
		2																										
		3	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.403)																	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)				
		4	Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)																	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)							
		5	Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.307)										Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên ()	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên ()							Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)						
	Chiều	6													Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Điều khiển khí nén, thủy lực Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()				
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 07/11	Sáng	1	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh ()	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)			Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.304)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)				
		2											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)									Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)				
		3	Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)																	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)						
		4	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.307)										Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)									Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)				
		5		Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)																	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền ()							
	Chiều	6											Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.102)							Điều khiển khí nén, thủy lực Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()	Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()				
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 4 08/11	Sáng	1	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.403)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)			Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.406)				
		2																					Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)				
		3	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)														Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.202)						
		4													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)					Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)				
		5																				Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)						
	Chiều	6																			Điều khiển khí nén, thủy lực Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)			Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Lỗ Văn Ba ()				
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 09/11	Sáng	1	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngoc (H5.403)	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 4 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)			Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)				
		2																										
		3											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)			Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)								
		4																										
		5																										
	Chiều	6																			Điều khiển khí nén, thủy lực Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)							
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 6 10/11	Sáng	1			TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	Ngữ văn 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Điều khiển khí nén, thủy lực Chu Quốc Thái ()							
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)				Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)		Điều khiển khí nén, thủy lực Chu Quốc Thái ()		Lắp đặt và lập trình hệ thống điều khiển điện khí nén Đỗ Tiến Phong ()					
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 7 11/11	Sáng	1			TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN	TTTN																
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 06/11 Đến 12/11/2023

LỚP			61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 2 06/11	Sáng	1			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)							Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)					Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)
		2				Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)																						Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	
		3			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)								Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.303)
		4				Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.301)							Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.201)			Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.201)										Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	
		5			Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)										Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)								Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)		Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)
	Chiều	6										Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()																	
		7																											
		8																											
		9																											
		10																											
Thứ 3 07/11	Sáng	1			Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)		Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)
		2												Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.201)				Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.201)											
		3			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hóa (H5.306)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.301)							Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)		Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)						Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hóa (H5.306)		Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)
		4											Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)			Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hóa (H5.404)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hóa (H5.404)				Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.301)	
		5			Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)																						Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)
	Chiều	6										Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()																	
		7				Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)																							
		8																											
		9																											
		10																											
Thứ 4 08/11	Sáng	1			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hóa (H5.306)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)							Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)					Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hóa (H5.306)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)
		2			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)								Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)				Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)										Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)		
		3				Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)							Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.202)		Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)					Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)				Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	
		4			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)																		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)
		5				Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)							Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)											Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	
	Chiều	6										Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()		Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)								Quản lý nhóm Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)					Kỹ thuật điện - điện tử Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																											
		8																											
		9																											
		10																											

LỚP			61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX	61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 5 09/11	Sáng	1			Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)		Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)			Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		2												Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)				Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)												
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6																											
		7				Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)							Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)				Thuật ngữ và tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)								Kỹ thuật điện - điện tử Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)		Kỹ thuật điện - điện tử Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)
		8										Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()																	
		9																											
		10																											
Thứ 6 10/11	Sáng	1																											
		2				Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)				Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()			Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)		PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)		Thuật ngữ và tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)										Kỹ thuật điện - điện tử Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)		
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6																											
		7								Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()				Vi mạch số lập trình Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)											Kỹ thuật điện - điện tử Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)		Kỹ thuật điện - điện tử Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)
		8																				Quản lý nhóm Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)							
		9																											
		10																											
Thứ 7 11/11	Sáng	1																											
		2								Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()																			
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6																											
		7								Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()																			
		8																											
		9																											
		10																											

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 06/11 Đến 12/11/2023

LỚP			61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 2 06/11	Sáng	1	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.304.Phòng học Trang bị điện)			Quản trị mạng với Windows server Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)			Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Tách: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N11) Hoàng Tùng (H3.110_TH THCB) Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N12) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)																									
		3			Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)																					
		4	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)																Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)								
		5			Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)											Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)				Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)						
	Chiều	6	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)						Lắp đặt điện Lê Trung Thịnh (H3.109_THĐT)											Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)	Trang bị điện Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)				
		7																											
		8																						Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							
		9																											
		10																											
Thứ 3 07/11	Sáng	1	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tình (H5.304)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.304.Phòng học Trang bị điện)						Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Tách: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N11) Hoàng Tùng (H3.110_TH THCB) Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N12) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Điện tử cơ bản Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Khí cụ điện Hoàng Văn Hùng (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2																											
		3	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)																					
		4	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)											Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)				Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)						
		5			Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền ()																Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển ()	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển ()							
	Chiều	6	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)													Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)			Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)	Trang bị điện Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)		Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	
		7																											
		8																									Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	
		9																	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)						Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)		Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	
		10																											
Thứ 4 08/11	Sáng	1	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Thiết kế mạch bằng máy tính Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.304.Phòng học Trang bị điện)						Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)			Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)	Tách: Kỹ thuật điện – điện tử-1-1-2023(N04) Hoàng Tùng (H3.110_TH THCB) Kỹ thuật điện – điện tử-1-1-2023(N05) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Điện tử cơ bản Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Trần Thị Thơm ()	Máy điện Phan Thị Lý (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	
		2																											
		3	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)																					
		4	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)																								
		5																											
	Chiều	6	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống điện ô tô Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)					Lắp đặt điện Lê Trung Thịnh (H3.109_THĐT)							Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H2.203_TH Tin Đại cương)			Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Trang bị điện Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Địa lý 3 Phạm Thị Hiên (H5.304)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiên (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		7																						Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)			Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	
		8																	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)						Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)		Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		9																						Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)							
		10																									Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.201)

LỚP			61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 5 09/11	Sáng	1	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.304)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)			Hệ thống máy lạnh dân dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)								Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Trang bị điện Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		Tách: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N11) Hoàng Tùng (H3.110_TH THCB) Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N12) (...)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Điện tử cơ bản Nguyễn Thị Hương ()	Máy điện Phan Thị Lý ()		
		2					Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)																					
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6																		Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)				Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)		Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		7		Sửa chữa hệ thống điện ô tô Bạch Trọng Hưng (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Lắp đặt và sử dụng các thiết bị tin học thông dụng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.111_TH THCB)										Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H2.203_TH Tin Đại cương)			Kỹ thuật cảm biến Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)				Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)		
		8																		Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.103)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304) Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304) Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)
		9																											
		10																									Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)
Thứ 6 10/11	Sáng	1																	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Điện tử cơ bản Nguyễn Chí Thành (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Tách: Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N11) Hoàng Tùng (H3.111_TH THCB) Lắp ráp và cài đặt máy tính-1-1-2023(N12) (...)		Điện tử cơ bản Nguyễn Thị Hương ()			
		2		Sửa chữa hệ thống điện ô tô Bạch Trọng Hưng (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Lắp đặt và sử dụng các thiết bị tin học thông dụng Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Lắp đặt và sử dụng các thiết bị tin học thông dụng Lê Xuân Chung (H2.203_TH Tin Đại cương)	Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Duy Quyết (X23.304.Phòng học Trang bị điện)																			
		3																			Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)							
		4																			Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)							
		5																											
	Chiều	6																									Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.201)
		7				Lắp đặt và sử dụng các thiết bị tin học thông dụng Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.111_TH THCB)	Lắp đặt và sử dụng các thiết bị tin học thông dụng Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Lắp đặt và sử dụng các thiết bị tin học thông dụng Lê Xuân Chung (H2.203_TH Tin Đại cương)								Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)														
		8																									Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.304)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.304)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)
		9																									Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		10																									Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)
Thứ 7 11/11	Sáng	1																								Điện tử cơ bản Nguyễn Thị Hương ()			
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6																											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.104)
		7																											
		8																											Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.104)
		9																											Sinh hoạt lớp ()
		10																											

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 06/11 Đến 12/11/2023

LỚP			62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 2 06/11	Sáng	1	Máy điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)								Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)		Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử cơ bản Lê Thị Thanh Tâm (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205)			Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6		Điện tử cơ bản Nguyễn Bá Thanh ()	Điện tử cơ bản Phạm Quang Thắng ()						Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.403)		LĐ									Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.401)			Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)
		7																											
		8									Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.403)				Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.403)										Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.401)			
		9									Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()										Sinh hoạt lớp ()			
		10																			Chào cờ ()								Chào cờ ()
Thứ 3 07/11	Sáng	1	Máy điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Cao Thị Thu ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Văn Tình ()	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)		Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử cơ bản Lê Thị Thanh Tâm (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205)			Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6		Điện tử cơ bản Nguyễn Bá Thanh ()	Điện tử cơ bản Phạm Quang Thắng ()							Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)			Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.401)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()				LĐ					Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)			Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)
		7																											
		8										Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.401)				Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.401)												
		9										Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()												
		10																											
Thứ 4 08/11	Sáng	1	Máy điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Cao Thị Thu ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Văn Tình ()	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)		Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử cơ bản Lê Thị Thanh Tâm (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.206_Khoa SP-KT)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.205)			
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Điện tử cơ bản Nguyễn Bá Thanh ()	Điện tử cơ bản Phạm Quang Thắng ()						Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)		Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hóa (H5.307)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)				Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)
		7	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)										Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)				Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)				Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.203)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			
		8									Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)							Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hóa (H5.404)			Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)
		9	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)				Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)				Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)
		10																			Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)					Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)

LỚP			62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 5 09/11	Sáng	1	Máy điện Trịnh Xuân Bình (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Cao Thị Thu ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Văn Tỉnh ()	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.402_LT Khoa ĐT-ĐL)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)		Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()	Điện tử cơ bản Lê Thị Thanh Tâm (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)	Thuế Trần Việt Anh (H3.205)				
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201) Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Điện tử cơ bản Nguyễn Bá Thanh ()	Điện tử cơ bản Phạm Quang Thắng ()						Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)			Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)
		7									Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)					Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)
		8	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)								Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)		Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)				Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)
		9									Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)									Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.306)
		10	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)								Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.307)				Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.307)						Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)			Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)				
Thứ 6 10/11	Sáng	1				Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Cao Thị Thu ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Văn Tỉnh ()	Kỹ thuật lạnh cơ bản Bùi Công Kết (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Trang bị điện Nguyễn Việt Cường (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)			Điện tử cơ bản Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)	Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N03) Hồ Sĩ Khương (...) Hàn MIG/MAG-1-1-2023(N04) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N03) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N04) Hồ Sĩ Khương (...)	LĐ	Thuế Trần Việt Anh (H3.205)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.201)	Điện tử cơ bản Nguyễn Bá Thanh ()	Điện tử cơ bản Phạm Quang Thắng ()						Sinh học 3 Lê Thị Thảo ()	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)		Sinh học 3 Lê Thị Thảo ()	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)		Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Văn Chiều ()	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ ()	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N03) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N04) Hồ Sĩ Khương (...)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)
		7									Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)			Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)										Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			
		8	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)								Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)		Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)				Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.203)	Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)		Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)
		9	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)								Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)				
		10	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.201)								Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang ()					Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.306)
Thứ 7 11/11	Sáng	1				Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Cao Thị Thu ()	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Văn Tỉnh ()								Vẽ kỹ thuật Chu Mạnh Hùng ()	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Văn Chiều ()	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ ()		Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N03) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N04) Hồ Sĩ Khương (...)					Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.104)										Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.404)				Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vẽ kỹ thuật Chu Mạnh Hùng ()	Bộ biến đổi AC/DC Nguyễn Văn Chiều ()	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ ()	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.402)	Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N02) Lê Văn Nam (...)	Tách: Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N03) Nguyễn Ngọc Mạnh (...) Gia công kim loại tấm-1-1-2023(N04) Hồ Sĩ Khương (...)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.407)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.407)			Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng ()	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)
		7	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.104)																		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)			Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.407)					Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.401)
		8											Toán 3 Kim Thành Nam (H5.404)				Toán 3 Kim Thành Nam (H5.404)							Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)					
		9	Sinh hoạt lớp ()										Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()			Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()					Sinh hoạt lớp ()
		10																											

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 06/11 Đến 12/11/2023

LỚP			62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CS1	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 2 06/11	Sáng	1	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.101)			Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIỀN LIỆU ĐỘNG CƠ + SÂNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.106)		Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tách: Vẽ điện-1-1-2023(N01) Nguyễn Duy Thanh (...) Vẽ điện-1-1-2023(N02) Phạm Quang Thắng (...)		Đo lường Lê Trung Thịnh (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Tin học Phan Hoàng Lan (H3.209.TH Tin học)					Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.401)		Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H3.204.TH KHOA TIN)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.105)		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIỀN LIỆU ĐỘNG CƠ + SÂNH TĂNG 2)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3)		Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lê Thị Châm (H2.302_TH QTM)	Photoshop Quách Thu Thảo ()				Ktra: An toàn lao động-1-1-2023(N07) Nguyễn Văn Chiều (X23.308.Phòng học Đo lường)			Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TĂNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TĂNG 3)		Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204) Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204) Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204) Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402) Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.402)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203) Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203) Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203) Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203) Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	
		7																											
		8		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.401)																									
		9		Sinh hoạt lớp ()																									
		10	Chào cờ ()																										
Thứ 3 07/11	Sáng	1	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.105)			Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIỀN LIỆU ĐỘNG CƠ + SÂNH TĂNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TĂNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.106)				Tách: Vẽ điện-1-1-2023(N01) (...) Vẽ điện-1-1-2023(N02) Phạm Quang Thắng (...)		Đo lường Lê Trung Thịnh (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.111_TH THCB)		Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.203_TH Máy tính)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt (Bãi TH_Khoa Cơ giới)	Thiết kế mạng LAN Phùng Ngọc Hùng (H3.211_TH Tin Đại cương)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan ()	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Văn Khoa (H3.204.TH KHOA TIN)			Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIỀN LIỆU ĐỘNG CƠ + SÂNH TĂNG 2)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hạnh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TĂNG 3)		Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.104)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng ()				Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)			Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TĂNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TĂNG 3)		Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyên (H5.204) Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204) Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402) Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203) Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203) Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203) Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203) Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203) Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203) Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	
		7																											
		8																											
		9																											
		10																											
Thứ 4 08/11	Sáng	1		Tiếng anh chuyên ngành Tạ Văn Khoa (H3.101)			Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Tuấn Hưng (H3.204.TH KHOA TIN)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TĂNG 3)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.106)		Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.104)		Tách: Vẽ điện-1-1-2023(N01) (...) Vẽ điện-1-1-2023(N02) Phạm Quang Thắng (...)		Đo lường Lê Trung Thịnh (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang (H3.208_Khoa SP-KT)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.111_TH THCB)		Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.203_TH Máy tính)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Lập trình căn bản Phan Hoàng Lan ()	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng ()							Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TĂNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TĂNG 3)			Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402) Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)		
		7		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)					Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.302)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.203)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.302)															
		8	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)		Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)			Vật lý 3 Nguyễn Thị Văn (H5.302)															
		9	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)						Vật lý 3 Nguyễn Thị Văn (H5.302)																				
		10	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.406)		Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.406)																

LỚP			62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CS1	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐL1
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 5 09/11	Sáng	1									Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)				Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lê Thị Châm (H2.302_TH QTM)		Tách: Vẽ điện-1-1-2023(N01) (...) Vẽ điện-1-1-2023(N02) Phạm Quang Thắng (...)		Đo lường Lê Trung Thịnh (X23.308.Phòng học Đo lường)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Cơ kĩ thuật Quách Hữu Việt (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kinh tế vi mô Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)			Tin học Quách Thu Thảo (H2.203_TH Tin Đại cương)	An toàn điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.203_TH Máy tính)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)			Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng ()			Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)			Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)				
		7		Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)			Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)		Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)												
		8	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)															
		9	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)		Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)		Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)														
		10		Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)														
Thứ 6 10/11	Sáng	1						Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.105)						Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.201_TH KTXS)			Tách: Vẽ điện-1-1-2023(N01) (...) Vẽ điện-1-1-2023(N02) Phạm Quang Thắng (...)		Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.101)	Kỹ thuật điện Dương Thanh Huệ (X23.302.Phòng học Máy điện)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kinh tế vi mô Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	
		2																											
		3																							Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)	An toàn điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.101)
		4																							Vật lý 1 Nguyễn Thị Văn (H5.204)		Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	
		5																											
	Chiều	6	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)	Photoshop Quách Thu Thảo ()		Kỹ thuật hàn Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.101)				Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tin học Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)				
		7						Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)		Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)													
		8	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.302)													
		9	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)				Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)													
		10					Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)		Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang ()				Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)															
Thứ 7 11/11	Sáng	1																											
		2																											
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.401)				Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.103)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.402)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.102)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.102)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.103)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)										Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)
		7					Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)						Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.103)																
		8	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.401)				Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.403)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.403)										Cụm chuyên đề Vật lý 1 Nguyễn Thị Văn (H5.204)		Cụm chuyên đề Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)
		9	Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()										Sinh hoạt lớp ()			
		10																									Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 14: Từ 06/11 Đến 12/11/2023

LỚP			63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 2 06/11	Sáng	1	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.401)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)									Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Ngọc Dũng (H3.105)											
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H3.106)				Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hướng (H5.301)	VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hướng (H5.301)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.307)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		7					Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)								VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)		VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)								Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	
		8					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)				Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc ()	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc ()	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)
		9					Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)			Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		10									Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)						Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)						
Thứ 3 07/11	Sáng	1	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.401)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Tin học Lê Thị Châm (H3.209.TH Tin học)	Tin học 1 Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)									Tin học Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)										
		2																									
		3																									Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.104)
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.403)				Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.204)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.302)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)
		7													Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)								Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	
		8					Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy ()	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy ()	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)				Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.301)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.301)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		9						Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)		Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)		Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)
		10	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)												Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.301)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiền (H5.301)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)						
Thứ 4 08/11	Sáng	1	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.401)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)		Tin học 1 Lê Hoàng (H3.211_TH Tin Đại cương)									Tin học Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Cao Thị Minh (H3.105)									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6					Tin học Lê Thị Châm (H3.209.TH Tin học)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)			Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.105)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.103)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.106)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.104)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)
		7																									
		8						Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)					Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)										
		9												Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)										
		10																									

LỚP			63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																									
Thứ 5 09/11	Sáng	1	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.401)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.104)			Tin học 1 Lê Hoàng (H3.111_TH THCB)	Tin học 1 Nguyễn Văn Trính (H3.209.TH Tin học)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Văn Khoa (H3.106)			Tin học Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	An toàn và môi trường Cao Thị Minh (H3.105)	Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)						Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.103)
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6	Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H5.402)				Tin học Lê Thị Châm (H3.209.TH Tin học)		Tin học 1 Nguyễn Văn Trính (H3.203_TH Máy tính)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.103)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.105)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Văn Khoa (H3.205)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)				Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX1)			Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.104)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.106)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)
		7																									
		8	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.402)																								
		9																									
		10																									
Thứ 6 10/11	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.103)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.104)		Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)		Tin học 1 Nguyễn Văn Trính (H3.209.TH Tin học)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306) Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Văn Khoa (H3.106)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Tạ Ngọc Dũng (H2.302_TH QTM)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306) Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)
		2																									
		3					Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)			Cụm chuyên đề toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Cụm chuyên đề toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Cụm chuyên đề toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Cụm chuyên đề toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		4					Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)			Cụm chuyên đề Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		5													Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)		Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)					
	Chiều	6	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)							Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.104)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)							Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX3)			
		7																									
		8												Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)											
		9																									
		10																									
Thứ 7 11/11	Sáng	1																									
		2																									
		3																									
		4																									
		5																									
	Chiều	6					Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)			Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		Địa lý 1 Nguyễn Thị Tính (H5.201)		Địa lý 1 Nguyễn Thị Tính (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tô Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tô Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		7								Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)								Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)			Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)				Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		8					Cụm chuyên đề Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)			Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tính (H5.306)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tô Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tô Quyên (H5.202)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tính (H5.306)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Cụm chuyên đề Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		9					Sinh hoạt lớp ()			Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)					Sinh hoạt lớp ()		Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()				Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)
		10								Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()											Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()